BÁO CÁO SỐ LIỆU KHAI THÁC CÁC CHUYẾN BAY ĐÚNG GIỜ, CHẬM, HỦY CHUYẾN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
12 tháng năm 2022

Chỉ tiêu	Vietnam Airlines		VietJet Air		Pacific Airlines		VASCO		Bamboo Airways		Viettravel		Tổng		
	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Tỷ trọng
CHUYẾN BAY KHAI THÁC	**115.987**		**115.731**		**16.567**		**8.084**		**51959**		**4895**		**313.223**		
SỐ CHUYẾN BAY CẤT CÁNH ĐÚNG GIỜ (OTP)	**101.501**	*87,5%*	**103.898**	*89,7%*	**15.577**	*94,0%*	**7.449**	*92,1%*	**49463**	*95,2%*	**4.552**	*93,0%*	**282.440**	*90,2%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-7,5*		*-3,7*		*1,12*		*-0,6*		*-1,7*		*-3,7*		*-4,5*	
CHẬM CHUYẾN	**14.486**	12,5%	**11.833**	10,2%	**990**	6,0%	**635**	7,9%	**2.496**	4,8%	**343**	7,0%	**30.783**	9,8%	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*7,5*		*3,7*		*-1,12*		*0,6*		*1,7*		*3,7*		*4,5*	
1. Trang thiết bị và dịch vụ tại Cảng	1.342	*1,2%*	425	*0,4%*	21	*0,1%*	25	*0,3%*	16	*0,0%*	6	*0,1%*	1.835	*0,6%*	*6,0%*
2. Quản lý, điều hành bay	524	*0,5%*	12	*0,0%*	4	*0,0%*	12	*0,1%*	5	*0,0%*	3	*0,1%*	560	*0,2%*	*1,8%*
3. Hãng hàng không	1.793	*1,5%*	1.908	*1,6%*	216	*1,3%*	54	*0,7%*	564	*1,1%*	22	*0,4%*	4.557	*1,5%*	*14,8%*
4. Thời tiết	359	*0,3%*	221	*0,2%*	69	*0,4%*	57	*0,7%*	57	*0,1%*	9	*0,2%*	772	*0,2%*	*2,5%*
5. Lý do khác	2.306	*2,0%*	184	*0,2%*	28	*0,2%*	7	*0,1%*	63	*0,1%*	6	*0,1%*	2.594	*0,8%*	*8,4%*
6. Tàu bay về muộn	8.162	*7,0%*	9.083	*7,8%*	652	*3,9%*	480	*5,9%*	1.791	*3,4%*	297	*6,1%*	20.465	*6,5%*	*66,5%*
HỦY CHUYẾN	**715**	*0,6%*	**266**	*0,2%*	**9**	*0,1%*	**92**	*1,1%*	**64**	*0,1%*	**9**	*0,2%*	**1.155**	*0,4%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-3,1*		*-0,7*		*-0,3*		*-0,7*		*-0,2*		*0,0*		*-1,5*	
1. Thời tiết	63	*0,1%*	56	*0,0%*	6	*0,0%*	43	*0,5%*	35	*0,1%*	6	*0,1%*	209	*0,1%*	*18,1%*
2. Kỹ thuật	31	*0,0%*	57	*0,0%*	1	*0,0%*	40	*0,5%*	22	*0,0%*	2	*0,0%*	153	*0,0%*	*13,2%*
3. Thương mại	0	*0,0%*	2	*0,0%*	2	*0,0%*	4	*0,0%*	0	*0,0%*	1	*0,0%*	9	*0,0%*	*0,8%*
4. Khai thác	82	*0,1%*	151	*0,1%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	7	*0,0%*	0	*0,0%*	242	*0,1%*	*21,0%*
5. Lý do khác	539	*0,5%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	3	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	542	*0,2%*	*46,9%*